

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **39/2022/DS-ST**

Ngày: 31/8/2022.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Tâm.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Xuân Tuất;

2. Ông Đinh Ngọc Hùng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Sùng A Tình – Thư ký tòa án nhân dân huyện Trảng Bom

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa:*
Bà Phạm Thị Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 359/2022/TLST-DS, ngày 24 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 282 /2022/QĐST-DS ngày 12/8/2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N.

Địa chỉ: Số A Trần Quang K, phường L, Quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Minh K- Trưởng phòng giao dịch Trảng Bom - Ngân hàng TMCP N.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Hồng N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Ông K; bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện; bản tự khai và trong quá trình làm việc, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 27/10/2014, Ngân hàng TMCP N (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng)

có cho bà Phạm Thị Hồng N vay số tiền 25.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 2014110/CBCNVDP; mục đích vay tiêu dùng. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay 36 tháng; lãi suất 11,5%/năm tại thời điểm nhận nợ và thay đổi vào ngày làm việc đầu tiên của tháng đầu quý; phương thức trả nợ gốc và lãi vào ngày 10 hàng tháng; hình thức đảm bảo là tín chấp.

Từ lúc vay đến nay, bà N đã thanh toán cho Ngân hàng được 18.336.306 đồng; trong đó nợ gốc là 14.583.324 đồng; tiền lãi là 3.753.982 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần tạo điều kiện cho bà N trả nợ nhưng đến nay bà N vẫn chưa thanh toán hết số tiền nợ cho Ngân hàng và cắt đứt mọi liên lạc.

Tính đến ngày 31/8/2022, bà N còn nợ lại Ngân hàng số tiền là 20.295.577 đồng. Trong đó nợ gốc là 10.416.676 đồng; số tiền nợ lãi trong hạn là 7.793.797 đồng; số tiền lãi quá hạn là 2.085.104 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP N yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị Hồng N thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 20.295.577 đồng. Trong đó nợ gốc là 10.416.676 đồng; số tiền nợ lãi trong hạn là 7.793.797 đồng; số tiền lãi quá hạn là 2.085.104 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ.

2. Bị đơn bà Phạm Thị Hồng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có bản tự khai nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà N.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của những người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bà Phạm Thị Hồng N. Buộc bà Phạm Thị Hồng N phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền là 20.295.577 đồng. Trong đó nợ gốc là 10.416.676 đồng; số tiền nợ lãi trong hạn là 7.793.797 đồng; số tiền lãi quá hạn là 2.085.104 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Về án phí: bà Phạm Thị Hồng N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục ủy quyền: Đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP N có văn bản ủy quyền cho ông Phạm Minh K làm người đại diện tham gia giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

- Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Ngân hàng TMCP N khởi kiện bà Phạm Thị Hồng N có địa chỉ cư trú tại: Ấp Tân Bình, xã Bình Minh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thụ lý giải quyết yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[4] Về nội dung vụ án:

Ngân hàng Thương mại cổ phần N khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Hồng N phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền là 20.295.577 đồng. Trong đó nợ gốc là 10.416.676 đồng; số tiền nợ lãi trong hạn là 7.793.797 đồng; số tiền lãi quá hạn là 2.085.104 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ.

Tòa án đã tiến hành thủ tục thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với bà Phạm Thị Hồng N đồng thời nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập bà N đến Tòa làm việc nhưng bà N vẫn vắng mặt không lý do, không có ý kiến phản hồi. Điều này thể hiện bà N không có thiện chí hòa giải với Ngân hàng và cố tình trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Về phía Ngân hàng Thương mại cổ phần N đã xuất trình đầy đủ các chứng cứ như hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, giấy đề nghị cấp tín dụng kèm phương án trả nợ, bảng kê chi tiết số tiền gốc và tiền lãi khách hàng phải thanh toán hàng tháng và đã thanh toán,... để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ.

Xét thấy, các chứng cứ mà Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương cung cấp là hợp lệ và thể hiện bà N đã vi phạm hợp đồng tín dụng nên yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận. Do đó, buộc bà Phạm Thị Hồng N phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền là 20.295.577 đồng. Trong đó nợ gốc là 10.416.676 đồng; số tiền nợ lãi trong hạn là 7.793.797 đồng; số tiền lãi quá hạn là 2.085.104 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ.

[5] Về án phí: Bị đơn chịu án phí có giá ngạch là: 1.015.000 đồng

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N 423.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0006094 ngày 18/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39, 68, khoản 1 Điều 147, Điều 157, 158, Điều 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 4, 90, 91, 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Các điều 116, 117, 385, 463, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bà Phạm Thị Hồng N.

Buộc bà Phạm Thị Hồng N phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền là 20.295.577 đồng. Trong đó nợ gốc là 10.416.676 đồng; số tiền nợ lãi trong hạn là 7.793.797 đồng; số tiền lãi quá hạn là 2.085.104 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Phạm Thị Hồng N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2014110/CBCNVDP ngày 27/10/2014 mà hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Hồng N phải chịu án phí có giá ngạch là: 1.015.000 đồng

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N 423.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0006094 ngày 18/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND H. Trảng Bom;
- THA H. Trảng Bom ;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Tâm